TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 27-6-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Nhi;

Ông Hà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

Ngân hàng B; Địa chỉ: Lô số G-01 (trệt) và Lầu 1, Số 35 N, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông T (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông T1**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 9, đường H2, Phường 14, quận B1, Thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09-10-2017)- Có mặt.

- *Bị đơn:*

Công ty A**;**

Địa chỉ trụ sở chính: 76/5 M, T3 Road, K.M. 10, B1 Yai, B3, Samutprakam 10540, T2.

Người đại diện hợp pháp: **Ông D** (Chủ tịch); Địa chỉ: Số 3, hẻm thôn S, Ngã tư 11, phường N, quận P, B, T2 .

- Công ty TNHH A2 (Việt Nam).

Địa chỉ: Lô A9.6, Đường N4, Khu Công nghiệp T3, xã A3, huyện T3, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp: **Ông D** (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc); Địa chỉ: Số 3, hẻm thôn S, Ngã tư 11, phường N, quận P, B, T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông D, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 3, hẻm thôn S, Ngã tư 11, phường N, quận P, B, T2- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông T1 trình bày:

Ngày 17-3-2015, Ngân hàng B (gọi tắt là Ngân hàng B) ký hợp đồng vay vốn số CP/HCM/004-15 ký ngày 17-3-2015 với Công ty TNHH A2 (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty A2) do A đầu tư tại Việt Nam. Nội dung hợp đồng, Công ty A2 vay Ngân hàng B:

Hạn mức tín dụng: 4.890.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng).

Lãi suất: Chí phí vốn + 2.75% một năm.

Thời hạn vay ngắn hạn 180 ngày có kèm theo các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

Ngày 25-6-2015, Ngân hàng B ký thêm phụ kiện hợp đồng số 01 với Công ty A2 với tổng mức tín dụng là 52.800.000.000 đồng trong đó có 21.400.000.000 đồng là hạn mức vay trung hạn với lãi suất: Chi phí vốn + 2.75% một năm. Trong phụ kiện hợp đồng này có nêu điều kiện bảo đảm bổ sung gồm có:

Thư bảo lãnh 42.800.000.000 đồng phát hành bởi A.

Thư bảo lãnh cá nhân của ông D cho.

Ngân hàng B yêu cầu buộc A; Công ty A2 và ông D trả khoản nợ vay 18.650.572.791 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/6/2018 là 1.970.603.209 đồng.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A2 (Việt Nam), A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông D trình bày:

Ngày 17/3/2015, Công ty A2 có ký hợp đồng vay số CP/HCM/004-15 và ngày 25/6/2015 ký thêm phụ kiện hợp đồng số 01 với Ngân hàng B số nợ gốc là 18.650.572.791 đồng và lãi phát sinh trong hợp đồng và trong phụ kiện hợp đồng.

Ngày 25/6/2015 ông có ký 02 hợp đồng bảo lãnh tiền vay cho Công ty A2 số C010100058/0000/5308 và C010100058/0000/5309 với nội dung ông đồng ý thanh toán cho ngân hàng B theo hợp đồng vay số CP/HCM/004-15 ngày 17/3/2015 và phụ kiện hợp đồng số 01 ký ngày 25/6/2015 cho đến khi đủ tiền nợ

gốc 21.400.000.000 đồng và tiền lãi, khoản phí đền bù mà bên vay chưa thanh toán.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, buộc A; Công ty TNHH A2 (Việt Nam) và ông D có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc 18.650.572.791 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/6/2018 là 1.970.603.209 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo pháp luật của Công ty A2, đại diện theo pháp luật của A ông D có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông D cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Ngày 17/3/2015, ngân hàng B ký hợp đồng vay vốn số CP/HCM/004-15 với Công ty A2:

- Hạn mức tín dụng 4.890.000.000 đồng.

- Lãi suất: Chí phí vốn + 2.75% một năm.

- Thời hạn vay: 180 ngày.

- Mục đích: Tài trợ thanh toán khoản ứng trước 15% giá trị hợp đồng cho công trình xây dựng văn phòng và nhà xưởng.

[3] Ngày 25/6/2015, hai bên ký phụ kiện hợp đồng số 01 với tổng mức tín dụng là 52.800.000.000 đồng trong đó:

- 21.400.000.000 đồng hạn mức vay trong hạn với lãi suất: Chi phí vốn + 2.75% một năm, có điều kiện bổ sung gồm:

+ Thư bảo lãnh 42.800.000.000 đồng được phát hành bởi A

+ Thư bảo lãnh cá nhân của ông D cho số tiền 42.800.000.000 đồng.

+ Thế chấp máy móc thiết bị tại lô A9.6, đường N4, Khu Công nghiệp T3, xã A3, huyện T3, tỉnh T.

- Ngày 25/5/2017, Các bên ký hợp đồng thế chấp tài sản, máy móc thiết bị trị giá 9.900.000.000 đồng theo như đã thỏa thuận.

[4] Ngày 25/6/2015, ông D ký 02 hợp đồng bảo lãnh tiền vay số C010100058/0000/5308 và C010100058/0000/5309 với nội dung ông đồng ý thanh toán cho ngân hàng B theo hợp đồng vay số CP/HCM/004-15 ngày 17/3/2015 và phụ kiện hợp đồng số 01 ký ngày 25/6/2015 cho đến khi đủ tiền nợ gốc 21.400.000.000 đồng và tiền lãi, khoản phí đền bù mà bên vay chưa thanh toán.

[5] Sau khi hoàn thành các thủ tục vay vốn, ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty A2 số tiền 18.650.572.791 đồng, trong đó:

- Khoản vay trung hạn: 16.586.489.491 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn: 2.663.583.300 đồng.

Số tiền này đã được Công ty A2 xác nhận ngày 11/8/2017 và tổng lãi phải thanh toán là 243.053.628 đồng.

[6] Theo các đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, Công ty A2 và Công ty A và ông D đều xác nhận có nợ số tiền gốc là 18.650.572.791 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng và phụ kiện hợp đồng. Do Công ty A2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc Công ty A2, Công ty A và ông D có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng B đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[7] Số tiền Công ty A2, Công ty A và ông D phải trả được tính như sau:

- Vốn gốc: 18.650.572.791 đồng.

- Lãi tính đến ngày 27/6/2018 là: 1.970.603.209 đồng.

[8] Về hợp đồng thế chấp tài sản thấy rằng: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/17TC ngày 25/5/2017 thì Công ty A2 thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị (Theo danh mục tài sản thế chấp và biên bản định giá kèm theo) trị giá 9.900.000.000 đồng, có công chứng tại phòng công chứng số 01 Thành phố H nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, cần tuyên bố nếu Công ty A2 và Công ty A và ông D không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Đối với quyền sử dụng đất và nhà xưởng các bên không làm hợp đồng thế chấp cũng không có chứng thực, đăng ký nên không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng B.

[10] Về án phí: Công ty A2 và Công ty A và ông D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ủa Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với A; Công ty TNHH A2 (Việt Nam) và ông D.

2. Buộc A; Công ty TNHH A2 (Việt Nam) và ông D cùng có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền gốc 18.650.572.791 đồng (Mười tám tỷ sáu trăm năm mươi triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi mốt đồng) và tiền lãi là 1.970.603.209 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm lẻ chín đồng). Tổng cộng 20.621.176.000 đồng (Hai mươi tỷ sáu trăm hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Nếu Công ty A2, Công ty A và ông D không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/17TC ngày 25/5/2017 của Công ty A2 và Ngân hàng B để thu hồi nợ (Theo danh mục tài sản thế chấp và biên bản định giá kèm theo).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty A2, Công ty A và ông D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số CP/HCM/004-15 ký ngày 17/3/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà Công ty A2, Công ty A và ông D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí.

Công ty A2, Công ty A và ông D phải chịu 128.621.176 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn bảy một trăm bảy mươi sáu đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền 63.446.800 đồng theo biên lai thu số 0000376 ngày 31/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

Nguyễn Văn Tòng

Biên bản lập xong các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại, xác định đúng và ký tên.

Biên bản kết thúc vào lúc … giờ … phút cùng ngày.